

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 383/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Trà M, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số B đường L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Võ Văn V, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số B đường L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Trà M và anh Võ Văn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Lê Thị Trà M, anh Võ Văn V xác nhận có 02 con chung, tên Võ Lê Bảo N, sinh ngày 05/4/2018 và Võ Lê Bảo V1, sinh ngày 05/5/2020, hiện 02 cháu đang ở với chị M. Chị M, anh V thoả thuận: Giao 02 cháu N, V1 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu thành niên (Đủ 18 tuổi).

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được can thiệp người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Trà M, anh Võ Văn V thoả thuận là anh V cấp dưỡng nuôi con cháu Võ Lê Bảo V1, sinh ngày 05/5/2020 mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Quyết

định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **V1** thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh **Võ Văn V** không phải cấp dưỡng nuôi con cháu **Võ Lê Bảo N**.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Lê Thị Trà M**, anh **Võ Văn V** đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị **Lê Thị Trà M** tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 3970 ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường Hương Long, TP.Huế;
(ĐKKH số 28, ngày 01/4/2017)
- Lưu: HSPA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Hồ Vinh Phú